

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 58 /2022/HS-ST

Ngày: 08 - 7- 2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Sỹ Quyền

Bà Hoàng Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Thư ký tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Châm - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 7 năm 2022 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2022/TLST- HS ngày 06 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tiến H, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến C (đã chết) và bà Đồng Thị T; vợ: Nguyễn Thị H, có 03 con; tiền án: không; tiền sự: Ngày 18/10/2021 UBND xã Q, huyện Q áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, hình thức điều trị cai nghiện tại nhà và công đồng (thời hạn 03 tháng tính từ ngày 18/10/2021). Đã chấp hành xong ngày 18/01/2022; Nhân thân: Ngày 19/9/2014 Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã được xóa án tích. Tạm giam từ ngày 07/5/2022 (hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ công an thị xã B, Thanh Hóa). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Tất T, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tất Đ và bà Trịnh Thị T; vợ: Mai Thị V có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 11/7/2019 Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. (chấp hành xong bản án ngày 27/8/2019). Đã xóa án tích. Tạm giữ từ ngày

30/3/2022 đến 02/4/2022 chuyển tạm giam (hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ công an thị xã B, Thanh Hóa). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến H:*

Luật sư Nguyễn Thị H - Công ty Luật TNHH N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa. (có mặt) (*Bị cáo Nguyễn Tiến H thuộc diện hộ nghèo được trợ giúp pháp lý*)

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Tất H - sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Văn T - sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04h00' ngày 26/3/2022 Trần Tất T điều khiển xe mô tô đi dọc Quốc lộ 1A về phía Bắc với mục đích quan sát để tìm các xe ô tô đậu ven đường nếu thấy sơ hở thì trộm cắp tài sản bán để lấy tiền mua ma túy sử dụng. Khi đi đến thôn 1, xã Q, huyện Q, T gặp Nguyễn Tiến H (T và H là bạn nghiện ma túy) đang điều khiển xe mô tô đi trên đường tìm tài sản để trộm cắp. Cả hai rủ nhau đi dọc Quốc lộ 1A về phía Bắc để tìm các xe đậu ven đường lấy trộm tài sản. Khi đến trước trạm CSGT (phía Đông quốc lộ 1A) thuộc tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Q thì phát hiện 01 xe ô tô tải BKS 37H-028.26 của anh Nguyễn Tất H ở xóm 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An đậu ven đường nên cả hai đi lại gần thấy ở hông bên trái xe ô tô này có buộc các tấm sắt (10 tấm lót sàn, 03 tấm vách ngăn bằng kim loại). Quan sát xung quanh không có ai nên H đi lại lấy 03 tấm vách ngăn, 07 tấm lót sàn để lên yên sau xe của H; T lấy 03 tấm lót sàn để lên yên sau xe của T, rồi cả hai thống nhất mang đến bán cho anh Lê Văn T ở thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa làm nghề thu mua sắt vụn. T đi trước còn H đi sau, được khoảng 1km thì T nảy sinh ý định giấu đi 01 tấm bán lấy tiền riêng nên đã dừng xe lại bỏ 01 tấm xuống rìa đường rồi trở 02 tấm còn lại về nhà anh T. Do xe trở nặng không đi được nên H dùng điện thoại Nokia màu đen gọi điện cho anh T nói “em đi làm nhặt được mấy tấm sắt nặng quá không trở được, anh mua thì mang xe kéo lên đồi diện đường L, xã Q trở về”, sau đó anh T mang xe kéo đến trở 10 tấm sắt về nhà

Khi T mang 02 tấm lót sàn đến nhà anh T không gặp anh Tuấn ở nhà nên Thành để 02 tấm lót sàn trước nhà anh T, rồi quay lại lấy tấm lót sàn đã bỏ ở rìa đường trước đó mang đến quán thu mua sắt vụn của anh Nguyễn Văn Đ ở thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa bán với giá 260.000đ, sau đó T quay lại nhà anh T gặp H. T và H thống nhất bán cho anh T 09 tấm lót sàn và 02 tấm vách ngăn với giá 1.500.000đ, còn 01 tấm vách ngăn H xin T mang về che chuồng gà. Sau khi lấy

được tiền. H và T chia nhau mỗi người 750.000đ, số tiền này T và H đã mua ma túy sử dụng hết.

Đối với 01 tấm vách ngăn H xin đem về che chuồng gà, H đã bán cho 01 người đàn ông không quen biết (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) được 100.000đ. Số tiền này H đã dùng mua ma túy sử dụng hết.

Biết không thể trốn tránh nên ngày 30/3/2022 Trần Tất T đến cơ quan công an huyện Q đầu thú, khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Sau khi được cơ quan điều tra thông báo số tài sản trên do Hùng và Thành trộm cắp mà có nên anh Nguyễn Văn Đ và anh Lê Văn T đã giao nộp 10 tấm lót sàn, 02 tấm vách ngăn cho cơ quan công an để phục vụ công tác điều tra.

Theo báo cáo của anh Nguyễn Tất H tài sản bị mất là 10 tấm lót sàn, 03 tấm vách ngăn có giá trị khoảng 13.000.000đ. Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/UBND-HĐĐGTS ngày 31/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Q kết luận: 10 tấm lót sàn bằng kim loại, mỗi tấm dài 2,75m, rộng 50cm; 03 tấm vách ngăn bằng kim loại kích thước mỗi tấm dài 2,5m, rộng 80cm có tổng giá trị tại thời điểm bị trộm cắp là 8.125.000đ.

Về vật chứng của vụ án: Ngày 29/4/2022 cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn Tất H 10 tấm lót sàn, 02 tấm vách ngăn đều bằng kim loại, anh Nguyễn Tất H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu, đề nghị gì về dân sự. Đối với 01 tấm vách ngăn bằng kim loại mà Nguyễn Tiến H đã bán cho 01 người đàn ông không quen biết. Do không xác định được tên tuổi, địa chỉ của người đàn ông nên cơ quan điều tra không thu hồi được và anh Nguyễn Tất H cũng không yêu cầu bồi thường.

Đối với 02 xe mô tô Wave không rõ biếm kiểm soát của Nguyễn Tiến H, Trần Tất T sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, H và T đều khai là mua lại xe cũ của người không quen biết, không có giấy tờ, không nhớ biếm kiểm soát. Hiện nay 02 chiếc xe này T và H khai đã bán cho người không quen biết lấy tiền mua ma túy sử dụng. Vì vậy, cơ quan điều tra không thu được.

Đối với chiếc điện thoại Nokia màu đen mà H sử dụng để liên lạc với anh T để tiêu thụ tài sản, sau khi phạm tội H đã làm rơi, không xác định được vị trí nên cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với Lê Văn T đã có hành vi mua 09 tấm lót sàn và 02 tấm vách ngăn của H và T; Nguyễn Văn Đ mua 01 tấm vách ngăn của T. Quá trình điều tra xác định do anh T và anh Đ không biết đây là tài sản trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Lê Văn T và Nguyễn Văn Đ về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Số tiền anh T và anh Đ đã bỏ ra mua tấm lót sàn và tấm vách ngăn của T và Hg; anh T và anh Đ không yêu cầu T và H phải trả lại.

Tại bản cáo trạng số 72/CT-VKS-QX ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá truy tố Nguyễn Tiến H, Trần Tất T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá hoá luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị hội đồng xét xử áp dụng:

1. Nguyễn Tiến H: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17; Điều 58 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù .

2. Trần Tất T: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17; Điều 58 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù .

Chấp nhận sự tự nguyện của anh T và anh Đ không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 1.760.000đ là số tiền các anh đã bỏ ra mua tấm lót sàn và tấm vách ngăn của T và H.

Đối với số tiền 100.000đ là tiền bị cáo Hùng bán 01 tấm vách ngăn bằng kim loại cho 01 người đàn ông không quen biết, tài sản không thu hồi được để trả cho bị hại, đây là tiền do phạm tội mà có cần truy thu từ bị cáo Hùng để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo qui định của pháp luật.

- Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Tiến H có ý kiến: Về tội danh Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo H là đúng người, đúng tội, tuy nhiên bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, bản thân bỏ học, nhận thức hạn chế, gia đình thuộc diện hộ nghèo, có con nhỏ, là lao động chính trong gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo thuộc diện gia đình hộ nghèo đề nghị Hội đồng xét xử miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời sau cùng đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay: Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các

chứng cứ tài liệu khác thu thập được phản ánh trong hồ sơ. Đủ cơ sở chứng minh: Khoảng 04h ngày 26/3/2022 tại khu vực gần trạm CSGT nằm rìa Quốc lộ 1A thuộc tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Quảng Xương, Trần Tất T và Nguyễn Tiến H có hành vi lén lút trộm cắp 10 tấm lót sàn bằng kim loại và 03 tấm vách ngăn bằng kim loại, tổng trị giá là 8.125.000đ của anh Nguyễn Tất H cư trú tại thôn 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Nên tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ và phù hợp với qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Tất T và Nguyễn Tiến H có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt đ- ọc qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Tính chất vụ án: Đây là vụ trộm cắp tài sản có chủ định từ trước, các bị cáo lợi dụng tài sản không có người người trông coi, quản lý, nhanh chóng tiếp cận, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an nơi khu vực, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do vậy phải đ- ọc xử lý nghiêm minh.

[4] Về vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân, trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Cả hai bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, khi gặp nhau cả hai cùng rủ nhau và cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đem đi tiêu thụ, số tiền có được cùng chia nhau mua ma túy sử dụng, nên đánh giá đồng phạm với vai trò ngang nhau trong vụ án. Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, đã bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, đã được xóa án, nay lại tiếp tục phạm tội chứng tỏ các bị cáo không chịu cải sửa, xem thường pháp luật. Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng với nhân thân xấu của cả hai bị cáo thì việc cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết, để cải tạo, giáo dục các bị cáo và nhằm răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng nên xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo một phần là thành khẩn khai báo được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T có tình tiết giảm nhẹ ra đầu thú, có bố đẻ là bệnh binh và mẹ đẻ từng tham gia thanh niên xung phong được qui định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo H có 01 tiền sự chưa xóa, bị cáo Thành có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn H, nên khi quyết định hình phạt cũng nên xem xét để xếp mức án của 02 bị cáo cho phù hợp.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

[5.1]. Theo báo cáo của bị hại anh Nguyễn Tất H anh đã nhận lại tài sản là 10 tấm lót sàn, 02 tấm vách ngăn đều bằng kim loại, anh đã nhận đầy đủ và không yêu cầu, đề nghị gì về dân sự. Nghĩ nên công nhận bị hại anh Nguyễn Tất H đã nhận lại tài sản. Đối với 01 tấm vách ngăn bằng kim loại mà Nguyễn Tiến H đã bán cho 01 người đàn ông ông không quen biết, anh Nguyễn Tất H không yêu cầu bồi thường, nên không xét.

[5.2]. Đối với số tiền 1.760.000đ là số tiền các bị cáo có được do bán tài sản trộm cắp cho anh T và anh Đ (trong đó bán cho anh T được 1.500.000đ, bán cho anh Đ được 260.000đ), số tiền này các bị cáo đã chi tiêu hết. Nay anh và anh Đ không yêu cầu các bị cáo phải trả, nghĩ nên chấp nhận sự tự nguyện của anh T và anh Đ không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 1.760.000đ. Đối với bị cáo H đã bán 01 tấm vách ngăn trộm cắp được cho 01 người đàn ông không quen biết được 100.000đ, tài sản này không thu hồi được để trả cho bị hại, nên số tiền 100.000đ bị cáo có được là tiền do phạm tội mà có nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[6]. Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản, nghĩ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[7]. Về án phí: Tại phiên tòa hôm nay người bào chữa cho bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H vì bị cáo Hùng thuộc diện gia đình hộ nghèo (có sổ hộ nghèo). Xét thấy: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bị cáo H thuộc diện gia đình hộ nghèo là đúng, tuy nhiên bị cáo không có đơn đề nghị miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, vì vậy không đủ căn cứ để miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H. Bị cáo H và bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS (đối với các bị cáo); khoản 2 Điều 51 BLHS (đối với bị cáo T); điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; Điều 6; Điều 13, Điều 14; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- **Tuyên bố:** Nguyễn Tiến H, Trần Tất T phạm tội “ Trộm cắp tài sản

1. Xử phạt: Nguyễn Tiến H 12 (mười hai) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/5/2022.

2. Xử phạt: Trần Tất T 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2022.

Về trách nhiệm dân sự:

- Truy thu từ bị cáo Nguyễn Tiến H số tiền 100.000đ để sung nộp ngân sách nhà nước

- Công nhận bị hại anh Nguyễn Tất H đã nhận lại tài sản

- Chấp nhận sự tự nguyện của anh Lê Văn T và anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 1.760.000đ.

- □n phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a ,9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận

- Bị cáo; bị hại; Người có QLNVLQ
- Người bào chữa
- VKSND huyện Qu
- Công an huyện Q
- THA DS huyện Q
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Bùi Thị Huyền